TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 4 - 2021.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn CK, xã NK, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ.A, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(*Phiên toà có mặt chị D; anh Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI D VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/11/2009 tại UBND phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng ở riêng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan

điểm sống của hai bên không hợp nhau, ngoài ra còn do anh Đ hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con gia đình, từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh Đ có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn anh Đ có quan điểm như chị D đã khai. Thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là từ năm 2014, vợ chồng anh không có thời gian sống ly thân, thời gian chị D đi làm trên Hà Nội nhưng vẫn sáng đi tối về. Nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Nay anh xác định tình cảm của anh dành cho chị D vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn mà xin đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm sóc con chung.

Về con chung: Chị D và anh Đ cùng thống nhất xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P (con gái), sinh ngày 29/12/2012. Hiện nay cháu P đang do hai vợ chồng chăm sóc. Nếu ly hôn, chị D và anh Đ thống nhất thỏa thuận giao chị D được tiếp tục nuôi con chung và anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi tháng là 1.000.000đ.

Con nuôi, con riêng: Chị D và anh Đ thống nhất không yêu cầu giải quyết. Hiện chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D và anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam: Nay chị D khởi kiện xin ly hôn anh Đ tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như:thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh Đ.

+ Về con chung: Giao chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh P (con gái), sinh ngày 29/12/2012 cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đ có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị D là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

+ Về con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị D và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhậnđịnh:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ có nơi cư trú tại: Tổ dân phố Đ.A, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa nhưng anh Nguyễn Minh Đ vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh Đ là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau kết hôn, vợ chồng chị D, anh Đ đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và có một con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích nhưng chị D vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn với anh Đ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ đã kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên xử cho chị D ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh P (con gái), sinh ngày 29/12/2012. Nếu ly hôn, chị D và anh Đ cùng thống nhất thỏa thuận giao chị D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị D là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

- Con nuôi, con riêng: Chị D và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện nay chị D không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ phải nộp theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh Đ.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Minh P (con gái), sinh ngày 29/12/2012, anh Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 4/2021 cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị D và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị D được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004668 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị D đã nộp đủ án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh Đ phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên